

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/DS-ST
Ngày: 06 - 9 - 2019.
V/v: “TC Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Đại diện hợp pháp:

1. Bùi Thành N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H; địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H; là người được ủy quyền khởi kiện theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

2. Ông Thanh T, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H; địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H; là người được ủy quyền tham gia tố tụng theo văn bản ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- Bị đơn: Trần Văn D

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị C

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2018 đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Thành N trình bày:

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2010, bị đơn là ông Trần Văn D có vay của Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H số tiền là 150.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 7006.LAV.2010 04593 ngày 20 tháng 5 năm 2010; lãi suất thỏa thuận là 14,5%/năm và được điều chỉnh khi có quyết định thay đổi lãi suất, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán là ngày 13 tháng 5 năm 2011; mục đích vay vốn là mua bán thuốc thú y, thủy sản và thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Để đảm bảo khoản vay trên, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C có thể chấp cho Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H các tài sản gồm: 95m² đất ở tại nông thôn tại thửa số 1, tờ bản đồ số 9, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 216566, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH 00079 ngày 17 tháng 3 năm 2010, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh H cấp cho ông Trần Văn D; 208m² đất tại thửa số 38, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H-00245 ngày 03 tháng 11 năm 2005 cùng với nhà ở gắn liền với đất có diện tích xây dựng là 49,88m², theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hồ sơ gốc số: 58/2007/UBND-GCN ngày 07 tháng 12 năm 2007, do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh H cấp cho ông Trần Văn D và bà Lê Thị C.

Quá trình vay nợ, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền là 11.762.499đ, ngoài ra không trả thêm khoản nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn D trả cho Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm khởi kiện là 416.772.917đ và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Ông Thanh T yêu cầu ông Trần Văn D trả cho Chi nhánh Ngân hàng N huyện P, tỉnh H số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 428.554.167đ và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Phía bị đơn là ông Trần Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 150.000.000đ tiền gốc và 278.554.167đ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét, giải quyết.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản sao các văn bản gồm: 01 Hợp đồng tín dụng lập ngày 20 tháng 5 năm 2010, có chữ ký của bị đơn tại mục bên vay (chủ hộ); 01 bảng theo dõi tiền vay, trả nợ, chuyển nợ quá hạn ban hành kèm theo hợp đồng tín dụng; 01 Hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 18 tháng 5 năm 2010, có chữ ký của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại mục bên thế chấp tài sản (bên B và các đồng sở hữu), chứng minh việc bị đơn vay tiền, trả lãi và thế chấp tài sản phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có mặt để đưa ra ý kiến phản đối hay thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và chấp nhận ý kiến của nguyên đơn.

[5] Xét hợp đồng tín dụng được xác lập giữa các đương sự có thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 13 tháng 5 năm 2011. Tuy nhiên, đến thời điểm này phía bị đơn chỉ đóng lãi được 11.762.499đ, tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh đến nay chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả nợ gốc là 150.000.000đ và lãi suất phát sinh là có căn cứ.

[6] Đối với lãi suất các đương sự thỏa thuận là 14,5%/năm, được điều chỉnh khi có quyết định thay đổi lãi suất theo từng thời điểm dao động từ 13% đến 20% và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với

quy định của pháp luật. Theo đó, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất với số tiền tổng cộng là 278.554.167đ sau khi khấu trừ số tiền lãi là 11.762.499đ bị đơn đã đóng trước là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 428.554.167đ, trong đó: Nợ gốc là 150.000.000đ, nợ lãi là 278.554.167đ.

[8] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 7006-LCL-2010 00396 ngày 18 tháng 5 năm 2010 đã được đăng ký thế chấp và chứng thực đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Tài sản thế chấp là 95m² đất ở tại nông thôn tại thửa số 1, tờ bản đồ số 9, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 216566, vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CH 00079 ngày 17 tháng 3 năm 2010 được cấp cho cá nhân bị đơn là ông Trần Văn D; 208m² đất tại thửa số 38, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H-00245 ngày 03 tháng 11 năm 2005 cùng với nhà ở gắn liền với đất có diện tích xây dựng là 49,88m², theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hồ sơ gốc số: 58/2007/UBND-GCN ngày 07 tháng 12 năm 2007, được cấp cho bị đơn là ông Trần Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị C, nên việc ông Trần Văn D và bà Lê Thị C cùng tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là đúng pháp luật. Do đó, cần ghi nhận cho nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả được nợ.

[9] Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 144 và 147, điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 299, 317, 320, 323, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền là: 428.554.167đ (bốn trăm hai mươi tám triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 278.554.167đ (hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Trường hợp ông Trần Văn D không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N Việt Nam được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 7006-LCL-2010 00396 ngày 18 tháng 5 năm 2010, được ký kết giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện P, tỉnh H với ông Trần Văn D và bà Lê Thị C để đảm bảo thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn D phải nộp 21.142.000đ (hai mươi một triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh huyện P, tỉnh H được nhận lại 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020671 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng